ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08 /2020/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 09 tháng 4 năm 2020*

Văn phòng Ủy ban nhân dân
10-04-2020
15:14:51
+07:00

Ký bởi: Thanh tra tỉnh
Email: thanhtra@nghean.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Nghệ An
Ngày ký: 21-04-2020 08:17:53 +07:00

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại đối với công tác thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25/11/2013;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 12/6/2018;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 152/TTR-VP ngày 02/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về đánh giá, xếp loại đối với công tác thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Nghệ An".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/5/2020, thay thế Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại đối với công tác thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; các cơ quan Thanh tra Nhà nước tỉnh Nghệ An và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi nhận :
- Như Điều 3;
- Hội đồng TĐ-KT/TTCP;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- CT UBND tỉnh, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó VP UBND tỉnh;
- Hội đồng TĐ-KT tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH, TD (Thắng).

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về đánh giá, xếp loại đối với công tác thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2020/QĐ-UBND ngày 09/ 4 /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm đối với trách nhiệm của Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện và các cơ quan Thanh tra Nhà nước trong công tác thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan Thanh tra Nhà nước trên địa bàn tỉnh (gồm Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở; Thanh tra huyện, thành phố, thị xã).

Điều 3. Nguyên tắc xếp loại thi đua

Đánh giá, xếp loại thi đua đảm bảo tính trung thực, công khai, khách quan, công bằng, dân chủ, thường xuyên theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định này.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Bảng tiêu chí tự chấm điểm, xếp loại thi đua

1. Tiêu chí tự đánh giá, xếp loại đối với Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện áp dụng theo Phụ lục số I kèm theo quy định này.

2. Tiêu chí tự đánh giá, xếp loại đối với các cơ quan Thanh tra Nhà nước áp dụng theo Phụ lục số II kèm theo quy định này.

Điều 5. Cách tính điểm

1. Thang điểm tối đa cho hệ thống tiêu chí tự chấm là 100 điểm, trong đó có 10 điểm thưởng.

2. Điểm số của mỗi tiêu chí căn cứ vào kết quả, mức độ thực hiện nhiệm vụ. Điểm tối đa của tiêu chí được tính trong trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ ở mức cao nhất. Các nhiệm vụ không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc chưa đúng thì không tính điểm cho tiêu chí và trừ số điểm theo quy định trong tổng số điểm.

3. Cá nhân, tập thể nào không có nhiệm vụ ở mục nào được nhận nguyên điểm nhiệm vụ của mục đó.

Điều 6. Cách xếp loại

Xếp loại hàng năm được chia thành 4 loại: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành nhiệm vụ và Không hoàn thành nhiệm vụ.

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Các cá nhân và tập thể đạt từ 90 điểm trở lên và không tiêu chí nào đạt dưới 85% số điểm tối đa của tiêu chí đó, thì được đưa vào diện xem xét, bỏ phiếu xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tổng số các cá nhân và tập thể đạt loại xuất sắc không vượt quá 20% tổng số các cá nhân và tập thể được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trường hợp bỏ phiếu xếp loại lần 1 tại Hội đồng Thi đua khen thưởng ngành Thanh tra có nhiều hơn 20% cá nhân, tập thể xếp loại xuất sắc thì Hội đồng thi đua, khen thưởng ngành Thanh tra sẽ tiến hành bỏ phiếu các lần tiếp theo để lựa chọn đúng tỷ lệ xuất sắc đã quy định.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Các cá nhân và tập thể đạt từ 80 đến dưới 90 điểm và không có tiêu chí nào đạt dưới 80% số điểm tối đa của tiêu chí đó, thì được đưa vào diện xem xét, bỏ phiếu xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Hoàn thành nhiệm vụ: Các cá nhân và tập thể đạt từ 70 đến dưới 80 điểm và không có tiêu chí nào đạt dưới 70% số điểm tối đa của tiêu chí đó, thì được đưa vào diện xem xét, bỏ phiếu xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ: Các cá nhân và tập thể đạt dưới 70 điểm

Điều 7. Quy trình đánh giá, xếp loại

1. Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện và các cơ quan Thanh tra Nhà nước căn cứ vào mức độ hoàn thành các nhiệm vụ thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai và phòng, chống tham nhũng của đơn vị mình trong năm để tự đánh giá, cho điểm và tự xếp loại theo bảng tiêu chí và thang điểm tại quy định này, gửi về Hội đồng thi đua khen thưởng ngành Thanh tra (qua Thanh tra tỉnh) trước ngày **10/11** hàng năm.

2. Hội đồng thi đua khen thưởng ngành Thanh tra trên cơ sở Bảng tự đánh giá, xếp loại của các đơn vị và quá trình theo dõi, nghiên cứu, tổ chức kiểm tra, thẩm định đánh giá, chấm điểm, xếp loại đảm bảo tính công bằng, kịp thời, chính xác để phục vụ công tác xếp loại thi đua của toàn tỉnh.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện và Chánh Thanh tra của các cơ quan Thanh tra Nhà nước tỉnh Nghệ An tổ chức thực hiện quy định này.

2. Chánh Thanh tra tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và triển khai thực hiện cụ thể hàng năm.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi bổ sung, các đơn vị phản ánh về Thanh tra tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I

Bảng tiêu chí tự đánh giá, xếp loại đối với trách nhiệm của Giám đốc các sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã trong công tác thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai và phòng chống tham nhũng hàng năm trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Kèm theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh)

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Điểm chuẩn	Đơn vị tự chấm điểm	Giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	
I	**Trách nhiệm trong việc tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai**	**20**		
1	***Trách nhiệm trong việc tiếp công dân:***	10		
a	Bố trí nơi tiếp công dân đảm bảo khang trang, thuận tiện, có phòng tiếp công dân riêng, trang bị đầy đủ các điều kiện vật chất cần thiết (Có nhưng không đầy đủ: 0,5 điểm)	1		
b	Kiện toàn Ban Tiếp công dân (khi có thay đổi) (1); ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân (2); phân công cán bộ công chức, viên chức làm công tác tiếp dân thường xuyên theo đúng quy định của pháp luật (3) (Mỗi tiêu chí 01 điểm)	3		
c	- Trực tiếp thực hiện việc tiếp công dân định kỳ theo lịch, nội quy và các quy định của pháp luật (có thể ủy quyền cho cấp phó của mình thực hiện trong trường hợp đặc biệt): 6 điểm; - Không trực tiếp tiếp dân định kỳ nhưng không ủy quyền hoặc ủy quyền cho người không có thẩm quyền tiếp công dân: + 01 kỳ: 04 điểm; + 2 kỳ: 02 điểm; + Từ 3 kỳ trở lên: 0 điểm	6		*Chứng minh bằng số liệu cụ thể*
2	***Đầu mối trong việc tiếp công dân; tiếp nhận, phân loại xử lý đơn và giao trách nhiệm giải quyết, xử lý đơn:*** - Thống nhất tập trung vào một đầu mối: 02 điểm; - Không thống nhất tập trung vào một đầu mối: 0 điểm	2		
3	***Trách nhiệm trong việc xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai***	4		

a	- Chỉ đạo tổ chức việc tiếp nhận, xử lý đơn thư theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền; hướng dẫn công dân khiếu nại, tố cáo đến đúng cơ quan có thẩm quyền: 02 điểm; - Thực hiện không đúng: + Từ 1-2 đơn: 01 điểm; + Từ 3 đơn trở lên: 0 điểm	2		*Chứng minh bằng số liệu cụ thể*
b	- Trực tiếp xem xét, xử lý các đơn thư gửi đến cơ quan, đơn vị mình; phân công, giao việc cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng thẩm quyền: 02 điểm; - Thực hiện không đúng: + Từ 1-2 đơn: 01 điểm; + Từ 3 đơn trở lên: 0 điểm	2		*Chứng minh bằng số liệu cụ thể*
4	***Phối hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tiếp công dân và xử lý vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung.*** (Thực hiện không đúng: 0 điểm)	2		
5	***Thực hiện tốt công tác dự báo tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn, chủ động các phương án giải quyết và kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để thực hiện tốt, có hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nhất là các vụ việc phức tạp, đông*** người (Thực hiện không đúng: 0 điểm)	2		
II	**Trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai**	**35**		
1	***Tỷ lệ giải quyết các vụ việc:*** - Giải quyết kịp thời, đầy đủ các vụ việc hoặc chỉ đạo các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của mình giải quyết đạt tỷ lệ 96% trở lên: 15 điểm - Tỷ lệ giải quyết từ 90 - 95 %:10 điểm; - Tỷ lệ giải quyết từ 80 - 89 %: 05 điểm; - Tỷ lệ giải quyết dưới 80%: 0 điểm)	15		*Chứng minh bằng số liệu cụ thể*
2	***Trực tiếp giải quyết hoặc chỉ đạo giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai đúng thẩm quyền, quy trình, thủ tục, thời hạn và quy định của pháp luật***	10		
	Qua kiểm tra, rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết mà cấp trên yêu cầu phải giải quyết lại vì các lý do: thực hiện không đúng quy trình, kết luận giải quyết không hết nội dung, không đúng bản chất, xử lý không nghiêm khắc các đối tượng vi phạm, áp dụng sai quy định pháp luật với số lượng cụ thể:			

	- Đối với đơn vị có tổng số vụ việc trong năm dưới 10 *+ Có 01 vụ việc phải giải quyết lại: 7 điểm* *+ Có 02 vụ việc phải giải quyết lại: 03 điểm* *+ Có 03 vụ việc trở lên phải giải quyết lại: 0 điểm*			
	- Đối với đơn vị có tổng số vụ việc trong năm từ 10 vụ trở lên *+ Có 01 vụ việc phải giải quyết: 7 điểm* *+ Có 02 vụ việc phải giải quyết lại: 05 điểm* *+ Có 03 vụ việc phải giải quyết lại: 03 điểm* *có 04 vụ việc trở lên phải giải quyết lại: 0 điểm*			
3	***Có ý kiến bằng văn bản khi có yêu cầu tham gia đóng góp ý kiến hoặc cử người phối hợp với các cơ quan cùng cấp, hoặc cấp trên, cấp dưới đối với những vụ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai có liên quan đến chức năng, thẩm quyền của mình khi có yêu cầu*** *(Thực hiện không đúng: 0 điểm)*	1		
4	***Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của Thủ trưởng cấp trên trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai theo đúng quy định pháp luật về cán bộ, công chức; pháp luật về khiếu nại, tố cáo, đất đai và các quy định khác*** (Thực hiện không đúng: 0 điểm)	2		
5	***Báo cáo kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo do cấp trên chuyển về:*** - Báo cáo đúng thời gian và có chất lượng: 5 điểm - Thực hiện không đúng: + 01 vụ việc: 03 điểm; + 02 vụ việc: 02 điểm; + Từ 03 vụ việc trở lên: 0 điểm	5		
6	***Tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quyết định giải quyết khiếu nại, Kết luận nội dung tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo và các quy định khác của pháp luật*** (Thực hiện không đúng từ 01 quyết định, Kết luận trở lên: 0 điểm)	2		
III	**Trách nhiệm trong quản lý nhà nước về thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai và phòng chống tham nhũng.**	**35**		
1	***Ban hành các văn bản chỉ đạo*** về công tác thanh tra (1); tiếp công dân (2); giải quyết khiếu nại, tố	4		*Chứng minh bằng tài liệu, số*

	cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao (3) và phòng, chống tham nhũng (4) (Mỗi lĩnh vực 01 điểm)			*liệu cụ thể*
2	***Xây dựng kế hoạch thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị trong thực hiện các Luật: Thanh tra, Tiếp dân, Khiếu nại, Tố cáo, Phòng - chống tham nhũng:*** - Tại 30% đơn vị trực thuộc (đối với đơn vị có từ 1-10 đơn vị trực thuộc); 25% (đối với đơn vị có từ 11-20 đơn vị trực thuộc); 20% (đối với đơn vị có từ 21-30 đơn vị trực thuộc); 15% (đối với đơn vị có từ 31 đơn vị trực thuộc trở lên): 04 điểm - Có thực hiện nhưng không đạt tiêu chuẩn quy định trên: 02 điểm - Không tham mưu xây dựng kế hoạch thanh tra tại đơn vị trực thuộc nào: 0 điểm	4		*Chứng minh bằng số liệu cụ thể*
3	***Phê duyệt Kế hoạch thanh tra:*** - Trước hoặc đúng ngày 15/12 hàng năm: 04 điểm - Sau ngày 15/12 hàng năm: 02 điểm - Kế hoạch thanh tra không xác định rõ mục đích, yêu cầu, phạm vi, đối tượng, thời gian thanh tra: 2 điểm - Không xây dựng kế hoạch thanh tra: 0 điểm	4		
4	***Xây dựng chương trình công tác về PCTN hàng năm và thực hiện chương trình đề ra:*** - Có xây dựng chương trình công tác về PCTN hàng năm và thực hiện chương trình đề ra: 02 điểm; - Không thực hiện chương trình đã đề ra: 01 điểm; - Không xây dựng chương trình công tác về PCTN hàng năm: 0 điểm	2		
5	***Công tác xử lý sau thanh tra, kiểm tra:*** - Thu hồi triệt để các sai phạm: 03 điểm; - Có biện pháp, có thu hồi được nhưng chưa triệt để: 02 điểm; - Có biện pháp nhưng không thu hồi được: 01 điểm; - Không có biện pháp và không thu hồi được: 0 điểm.	3		*Được chứng minh bằng biện pháp và số liệu cụ thể*
6	***Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật*** về Thanh tra, Tiếp dân, Khiếu nại, Tố cáo, phòng, chống tham nhũng cho cán bộ và nhân dân thuộc phạm vi quản lý hoặc theo sự phân công, phân cấp của UBND tỉnh (mỗi lĩnh vực 01 điểm)	4		*Được chứng minh bằng biện pháp và số liệu cụ thể*
7	***Sắp xếp tổ chức, kiện toàn bộ máy của tổ chức***	3		*Chứng minh*

	Thanh tra cùng cấp trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; thực hiện quy trình thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên theo đúng quy định (một nội dung 1,5 điểm)			*bằng số liệu cụ thể*
8	***Thực hiện tốt việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức*** làm công tác tiếp công dân, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng (Thực hiện không đúng: 0 điểm)	3		*Chứng minh bằng số liệu cụ thể*
9	***Đảm bảo các chế độ, chính sách đối với thanh tra viên các cấp và cán bộ, công chức*** trực tiếp làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (Thực hiện không đúng: 0 điểm)	3		
10	***Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo:*** - Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu: 05 điểm - Có báo cáo nhưng chất lượng kém: trừ 0,5 điểm/báo cáo; - Báo cáo chậm thời gian: trừ 01 điểm/báo cáo. - Không có báo cáo: trừ 1,5 điểm/báo cáo.	5		
IV	**Điểm thưởng:**	**10**		
A	***Đối với Giám đốc các sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành cấp tỉnh***			
1	Thực hiện tốt công tác quản lý quản lý nhà nước *(ban hành văn bản chỉ đạo, tuyên truyền phổ biến pháp luật, tổ chức cán bộ, đào tạo bồi dưỡng...)*	2		
2	Giải quyết dứt điểm các vụ việc thuộc thẩm quyền	2		
3	Thu hồi kinh tế và xử phạt vi phạm hành chính đạt ≥80%	2		
4	Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian, chất lượng tốt	2		
5	Phát hiện vụ việc chuyển cơ quan điều tra	2		
B	***Đối với Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã***			
1	- Đơn vị giải quyết dứt điểm các vụ việc thuộc thẩm quyền có số vụ việc chiếm 20% tổng số vụ việc toàn tỉnh trở lên: 02 điểm; - Đơn vị vụ việc chiếm 10% tổng số vụ việc toàn tỉnh trở lên: 01 điểm	2		
2	Thực hiện tốt công tác quản lý quản lý nhà nước *(ban hành văn bản chỉ đạo, tuyên truyền phổ biến pháp luật, tổ chức cán bộ, đào tạo bồi dưỡng...)*	2		
3	Thu hồi kinh tế từ 500 triệu trở lên và tỷ lệ thu hồi đạt từ 90% trở lên *(thu hồi kinh tế dưới 500 triệu đồng không được cộng điểm thưởng)*	2		

4	Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian, chất lượng tốt	2		
5	Phát hiện vụ việc chuyển cơ quan điều tra	2		
	Cộng	**100 điểm**		

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II

Bảng tiêu chí tự đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm đối với các cơ quan thanh tra trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Kèm theo Quyết định số 08/ 2020/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh)

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Điểm chuẩn	Đơn vị tự chấm điểm	Giải trình
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(4)*
I	**Công tác thanh tra theo kế hoạch và thanh tra theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền**	**35**		
1	***Trình dự thảo kế hoạch thanh tra đề nghị Giám đốc cấp Sở, Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt:*** - Thời gian: + Trước hoặc đúng ngày 05/12: 03 điểm + Sau ngày 05/12: 00 điểm - Nội dung: + Dự thảo Kế hoạch thanh tra xác định rõ mục đích, yêu cầu, phạm vi, đối tượng, thời gian thanh tra: 02 điểm + Dự thảo Kế hoạch thanh tra không xác định rõ mục đích, yêu cầu, phạm vi, đối tượng, thời gian thanh tra: 01 điểm - Không xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra: 0 điểm	5		
2	***Tổ chức thực hiện các cuộc thanh tra theo Kế hoạch và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền***	12		
a	Tỷ lệ hoàn thành các cuộc thanh tra theo kế hoạch (tính từ thời điểm ban hành kết luận thanh tra): - Hoàn thành 100% kế hoạch: 07 điểm - Hoàn thành từ 90-99% kế hoạch: 05 điểm; - Hoàn thành từ 80% - 89% kế hoạch: 02 điểm; - Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm	7		*Chứng minh bằng số liệu cụ thể*
b	- Thực hiện cuộc thanh tra chuyên đề và các cuộc thanh tra đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, đảm bảo thời gian, chất lượng: 05 điểm - Không hoàn thành các cuộc thanh tra theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc chất lượng thấp: + 1 cuộc: 02 điểm; + 2 cuộc trở lên: 0 điểm	5		
3	***Gửi các Kết luận thanh tra lên Thanh tra tỉnh:***	2		

	- Kịp thời theo đúng quy định: 02 điểm; - Không gửi kịp thời các Kết luận thanh tra lên Thanh tra tỉnh: + 01 kết luận: 01 điểm; + Từ 02 kết luận trở lên: 0 điểm			
4	***Kết luận thanh tra có chất lượng, đúng bản chất, đúng quy trình và đúng thời gian.***	9		
a	- Kết luận thanh tra đúng thời gian: 03 điểm; - Chậm thời gian (trừ nguyên nhân khách quan): + 01 cuộc: 2 điểm; + 02 cuộc trở lên: 0 điểm	03		
b	- Kết luận thanh tra thực hiện đúng quy trình: 03 điểm; - Kết luận thanh tra thực hiện không đúng quy trình: + 01 cuộc: 2 điểm; + 02 cuộc trở lên: 0 điểm	03		
c	- Kết luận thanh tra thực hiện đúng bản chất: 03 điểm; - Kết luận thanh tra thực hiện không đúng bản chất: + 01 cuộc: 2 điểm; + 02 cuộc trở lên: 0 điểm	03		
5	***Tham mưu thực hiện việc xử lý sau thanh tra***	7		
a	- Có kiến nghị thu hồi (xử phạt) các sai phạm về kinh tế và tỷ lệ thu hồi (xử phạt) trong năm đạt kết quả: + Từ 70% trở lên: 05 điểm; + Từ 50-69%: 03 điểm; + Dưới 50%: 0 điểm. - Có kiến nghị thu hồi và có biên bản vi phạm hành chính nhưng không ra quyết định thu hồi hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính: 0 điểm.	5		*Chứng minh bằng số liệu cụ thể*
b	- Có biện pháp tham mưu chỉ đạo xử lý dứt điểm đối với các sai phạm tồn đọng từ các năm trước để lại (Không thực hiện: 0 điểm)	2		*Chứng minh bằng số liệu cụ thể*
II	**Công tác tiếp dân, xử lý đơn thư và giải quyết các vụ việc khi được giao:**	**35**		
1	***Thực hiện công tác tiếp dân thường xuyên:***	5		
a	Mở sổ sách theo dõi việc tiếp dân đầy đủ, đúng quy định (Không thực hiện: 0 điểm)	2		
b	Tiếp dân thường xuyên và tiếp nhận đơn thư (hoặc ý kiến) của công dân đầy đủ, đúng quy định (Không thực hiện: 0 điểm)	3		
2	***Xử lý đơn:*** - Tham mưu xử lý tốt đơn thư của công dân: 05	5		

	điểm; - Tham mưu xử lý đơn thư của công dân, không kịp thời, sai thẩm quyền, thì: + Không kịp thời 01 đơn trừ 01 điểm + Sai thẩm quyền 01 đơn trừ 01 điểm + Không chuyển 01 đơn trừ 02 điểm			
3	***Tham mưu giải quyết các vụ việc khi được giao***	***15***		
a	- Tham mưu giải quyết kịp thời, đầy đủ các vụ việc được giao đạt tỷ lệ 96% trở lên: 05 điểm; - Tham mưu giải quyết đạt tỷ lệ dưới 96%: + Tỷ lệ giải quyết từ 90 - 95 %: 4 điểm; + Tỷ lệ giải quyết từ 80 - 89 %: 03 điểm; + Tỷ lệ giải quyết dưới 80%: 0 điểm.	5		*Chứng minh bằng số liệu cụ thể*
b	Tham mưu giải quyết các vụ việc được giao đúng quy trình, thủ tục, thời hạn và quy định của pháp luật	10		
	Qua kiểm tra, rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết mà cấp trên yêu cầu phải giải quyết lại vì các lý do: thực hiện không đúng quy trình, kết luận giải quyết không hết nội dung, không đúng bản chất, xử lý không nghiêm khắc các đối tượng vi phạm, áp dụng sai quy định pháp luật với số lượng cụ thể như sau:			
	- Đối với đơn vị có tổng số vụ việc trong năm dưới hoặc 10 vụ việc: *+ Có 01 vụ việc phải giải quyết lại (do Thanh tra tham mưu): 7 điểm* *+ Có 02 vụ việc phải giải quyết lại (do Thanh tra tham mưu): 03 điểm* *+ Có 03 vụ việc trở lên phải giải quyết lại (do Thanh tra tham mưu): 0 điểm*			
	- Đối với đơn vị có tổng số vụ việc trong năm trên 10 vụ việc: *+ Có 01 vụ việc phải giải quyết lại (do Thanh tra tham mưu): 7 điểm* *+ Có 02 vụ việc phải giải quyết lại (do Thanh tra tham mưu): 05 điểm* *+ Có 03 vụ việc phải giải quyết lại (do Thanh tra tham mưu): 03 điểm* *có 04 vụ việc trở lên phải giải quyết lại (do Thanh tra tham mưu): 0 điểm*			
4	***Báo cáo kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo do cấp trên chuyển về:*** - Đúng thời gian và có chất lượng: 05 điểm; - Không báo cáo hoặc báo cáo chậm hoặc chất lượng kém: + 01 vụ việc: 04 điểm;	5		

	+ 02 vụ việc trở lên: 02 điểm; + Từ 03 vụ việc trở lên: 0 điểm			
5	***Tham mưu thực hiện nghiêm các quyết định giải quyết khiếu nại, Kết luận nội dung tố cáo đã có hiệu lực pháp luật:*** - Nghiêm túc, có hiệu quả; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo và các quy định khác của pháp luật: 05 điểm; - Không tổ chức thực hiện quy định trên: + 01 quyết định, Kết luận: 03 điểm + 02 quyết định, Kết luận trở lên: 0 điểm	5		*Chứng minh bằng số liệu cụ thể*
III	**Tham mưu công tác quản lý Nhà nước về thanh tra, tiếp dân, khiếu nại, tố cáo và phòng - chống tham nhũng:**	**20**		
1	***Ban hành các văn bản chỉ đạo về***: công tác thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao và phòng, chống tham nhũng (Mỗi lĩnh vực 01 điểm)	4		
2	***Tham mưu xây dựng kế hoạch thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị trong thực hiện các Luật: Thanh tra, Tiếp dân, Khiếu nại, Tố cáo, Phòng - chống tham nhũng:*** - Tại 30% đơn vị trực thuộc (đối với đơn vị có từ 1-10 đơn vị trực thuộc); 25% (đối với đơn vị có từ 11-20 đơn vị trực thuộc); 20% (đối với đơn vị có từ 21-30 đơn vị trực thuộc); 15% (đối với đơn vị có từ 31 đơn vị trực thuộc trở lên): 04 điểm - Có thực hiện nhưng không đạt tiêu chuẩn quy định trên: 02 điểm - Không tham mưu xây dựng kế hoạch thanh tra tại đơn vị trực thuộc nào: 0 điểm	4		*Chứng minh bằng số liệu cụ thể*
3	***Tham mưu xây dựng chương trình công tác về PCTN hàng năm và thực hiện chương trình đề ra:*** - Có tham mưu xây dựng chương trình công tác về PCTN hàng năm và thực hiện tốt chương trình đề ra: 02 điểm; - Không tham mưu thực hiện chương trình đã đề ra: 01 điểm - Không tham mưu xây dựng chương trình công tác về PCTN: 0 điểm	2		
4	***Tham mưu tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật*** về Thanh tra, Tiếp dân, Khiếu nại, Tố cáo, phòng, chống tham nhũng cho cán bộ và nhân dân (Mỗi lĩnh vực 01 điểm)	3		*Chứng minh bằng số liệu cụ thể*
5	***Báo cáo kịp thời việc miễn nhiệm ngạch thanh***	2		

	tra, việc thu hồi thẻ đối với thanh tra viên các cấp khi chuyển ra khỏi ngành			
6	***Tham mưu thực hiện chế độ thông tin, báo cáo:*** - Nghiêm túc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu: 05 điểm; - Có báo cáo nhưng chất lượng kém: trừ 0,5 điểm/báo cáo; - Báo cáo chậm thời gian: trừ 01 điểm/báo cáo. - Không có báo cáo: trừ 1,5 điểm/báo cáo.	5		
IV	**Điểm thưởng:**	**10**		
A	***Đối với Thanh tra các sở, Ban, Ngành cấp tỉnh***			
1	Thu hồi kinh tế từ 500 triệu trở lên và tỷ lệ thu hồi đạt từ 90% trở lên *(thu hồi kinh tế dưới 500 triệu đồng không được cộng điểm thưởng)*	3		
2	Giải quyết dứt điểm các vụ việc thuộc thẩm quyền	2		
3	Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian, chất lượng tốt	2		
4	Phát hiện vụ việc chuyển cơ quan điều tra	3		
B	***Đối với Thanh tra huyện, thành phố, thị xã***			
1	Đơn vị giải quyết dứt điểm các vụ việc thuộc thẩm quyền có số vụ việc chiếm 20% tổng số vụ việc toàn tỉnh (+4); Đơn vị vụ việc chiếm 10% tổng số vụ việc toàn tỉnh (+2) *(trong đó có trên 80% số vụ việc do Thanh tra tham mưu)*	3		
2	Thu hồi kinh tế từ 500 triệu trở lên và tỷ lệ thu hồi đạt từ 90% trở lên *(thu hồi kinh tế dưới 500 triệu đồng không được cộng điểm thưởng)*	2		
3	Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian, chất lượng tốt	2		
4	Phát hiện vụ việc chuyển cơ quan điều tra	3		
	Cộng:	**100**		